

Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Trường **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

1. Danh sách ngành đào tạo

[illegible]

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo (nếu có)

2.1. Danh sách đôi ngũ giảng viên toàn thời gian:

[illegible]

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2.2. Bố trí giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo (nếu có)

a) Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		
1	2	3	4		5	6	7		

b) Trình độ thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		
1	2	3	4		5	6	7		

c) Trình độ tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		

1	2	3	4		5	6	7		
1									

3. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo (nếu có)

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Lưu ý: Cột (12) và (13) chỉ báo cáo đối với các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Du lịch và nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng và các ngành đào tạo trong lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin được áp dụng cơ chế đào tạo ưu tiên trình độ đại học.

3.2. Bố trí giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo (nếu có)

a) Trình độ đại học

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ đại học			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		
1	2	3	4		5	6	7		

b) Trình độ thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		
1	2	3	4		5	6	7		

c) Trình độ tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ			Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					Tên ngành 1	Tên ngành 2	...		
					Mã ngành 1	Mã ngành 2	...		
1	2	3	4		5	6	7		
1									

4. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX	Địa chỉ quản lý, hỗ trợ ĐTTX tại cơ sở đào tạo/ các trạm ĐTTX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

5. Danh sách người học trúng tuyển, nhập học, tốt nghiệp các trình độ đến 31/12/..... (người học)

5.1. Danh sách người học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Quyết định trúng tuyển		Hình thức đào tạo	Tên ngành, nghề trúng tuyển	Mã ngành, nghề trúng tuyển	Năm trúng tuyển	Năm tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp		Số hiệu văn bản	Số vào sổ gốc văn bản	Trạng thái [1]	Địa điểm đào tạo
								Số	Ngày						Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú: các cột từ cột 15 đến cột 21 sẽ được cập nhật hàng năm khi có dữ liệu

5.2. Danh sách người học trình độ thạc sĩ:

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Quyết định trúng tuyển		Hình thức đào tạo	Tên ngành, nghề trúng tuyển	Mã ngành, nghề trúng tuyển	Năm trúng tuyển	Năm tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp		Số hiệu văn bản	Số vào sổ gốc văn bản	Trạng thái	Địa điểm đào tạo
								Số	Ngày						Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú: các cột từ cột 15 đến cột 21 sẽ được cập nhật hàng năm khi có dữ liệu.

5.3. Danh sách người học trình độ tiến sĩ:

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Quyết định trúng tuyển		Hình thức đào tạo	Tên ngành, nghề trúng tuyển	Mã ngành, nghề trúng tuyển	Năm trúng tuyển	Năm tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp		Số hiệu văn bản	Số vào sổ gốc văn bản	Trạng thái	Địa điểm đào tạo
								Số	Ngày						Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú: các cột từ cột 15 đến cột 21 sẽ được cập nhật hàng năm khi có dữ liệu

6. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

6.1. Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận

6.2. Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

TT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1					
2					

7. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

7.1. Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định

7.2. Danh sách thành viên Hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường (chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên)	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1						
2						

8. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ: văn bản theo quy định tại các điểm b, c, d Khoản 2 Điều 32 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018)

STT	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế tổ chức và hoạt động			
2	Quy chế tài chính			
	...			

9. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

(kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm)

STT	Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chi tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (Khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh) Đơn vị: %
1	Lĩnh vực ...					
1.1	Ngành ...					
1.2	Ngành ...					
1.3						
2	Lĩnh vực ...					
2.1	Ngành ...					
2.2	Ngành ...					
2.3						
3	...					
	Tổng					